

SỐ 0 TRONG ĐẠO HỌC

Viễn Lưu

Website: bachyhuynhde.org

Email: vienluutd@yahoo.com

Version 1.0

(Đây là tài liệu tu học nội bộ của Bạch-Y-Huỳnh-Đệ)

---oOo---

Hôm nay trong vấn đề tu hành chúng tôi xin được phẩm luận về con số 0 trong các số từ 0 tới 13 trong phạm vi Đạo học.

Chữ số 0, zero, là con số lạ kỳ, đặc biệt, quan trọng và có uy lực lớn nhất trong các chữ số từ 0 tới 9. Nó có thể thu tóm hay hủy diệt bất cứ con số nào, nhỏ hoặc lớn tới mức độ vô cực, dẫn chúng là $0 * \infty = 0$. Ngược lại nó cũng có thể biến một con số bất kỳ, hữu hạn hay vô hạn thành vô cực, dẫn chúng $(1/\infty)/0 = \infty$. Số ảo hay số thực cũng bị nó tóm hết. Ví dụ, $0 * (3+2i) = 0$. Số chẵn hay lẻ gì cũng vậy. Ví dụ, $0 * (3.0, 3.125) = (0, 0)$. Số lượng lờ hay lỗ cũng không thoát nổi. Ví dụ, $0 * (+3, -3) = (0, 0)$.

Bồn tâm có thể định nghĩa như sau: không có gì trong trời đất lớn hơn bồn tâm, cũng không có gì nhỏ nhất trong trời đất mà không có mặt nó. Bồn tâm còn có tánh chất của Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh.

Quả thật bất cứ số gì (dương, âm, thật, ảo, chẵn, lẻ, cực đại, cực tiểu) mà nhân với số 0 đều thành 0 hết. Nên đối với những con số khác từ 1 tới 9, số không cũng mang tính chất tương tự như thường lạc ngã tịnh của bồn tâm đối với vạn vật vậy!

Nên chi từ ngàn xưa thánh nhân đã dùng số zero, chữ Không, vòng tròn để tượng trưng cho Đạo.

Đại Thừa Phật Giáo có tông phái Bát Nhã chuyên tu về chữ “Không”. Kinh Kim Cang, Bát Nhã tâm kinh là những kinh điển nổi tiếng của tông phái này.

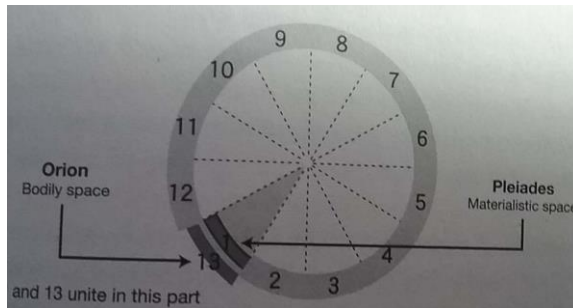
Số 0 đứng chỗ nào trong tâm thức 13 tầng?

Nếu các bạn đã theo dõi loạt bài con số 13 có chủ đề về tâm thức 13 tầng thì sẽ nhận ra con số 0, Không, chính là tâm thức tầng 13.

Câu “*Chân Không Diệu Hữu, Niết Bàn Diệu Tâm*” trong nhà Phật gọi cho ta một hình ảnh như sau. Ngay chỗ vật chất ở dạng Chân Không, bản thể, thì tâm thức ở trạng thái Niết Bàn. Hình ảnh này trong tâm

thức 13 tầng được diễn tả bằng tầng 13 nằm chòng lên tầng 1. Hay con rắn nuốt cái đuôi của chính nó.

Hình đồ Tâm Thức 13 Tầng



Nói một cách chính xác thì bản tâm bao trùm và thông suốt hết 12 tầng. Tuy nhiên ở tại những tầng khác 13 bản tâm bị che lấp bởi tâm thức tại đó. Ví dụ, tâm thức D4 của loài người che mất bản tâm D13. Nên có câu “*Mê là chúng sanh, Giác là Phật*”.

Chữ Không trong Bát Nhã Tâm Kinh.

Bát Nhã Tâm Kinh là bài kinh tối yếu, tóm lược hết những tư tưởng về “*Tánh Không*” trong hệ thống Bát Nhã. Bài này được các vị tu hành bên Phật tụng hằng ngày và mỗi buổi lễ. Hai câu nổi tiếng trong bài là “*sắc tức thị không, không tức thị sắc*”, “*sắc bất dị không, không bất dị sắc*”.

Để dễ dàng hiểu kinh điển Phật giáo nói chung cũng như Bát Nhã tâm kinh nói riêng, chúng ta cần phân biệt rõ ràng sự khác biệt giữa những cụm từ sau: (Tướng, Tánh), (Tướng Không (Không Tướng), Tánh Không), (Không (Không Ngợ), Có).

Tướng và Tánh:

Tướng: là tướng trạng, hình tướng của một vật. Ví dụ cái bàn tròn, cái ghế vuông, v.v...

Tánh (ngoài Phật giáo): là tánh chất của một vật. Ví dụ, lửa có tánh nóng, nước có tánh ướt, v.v...

Tánh (trong Phật giáo): Tánh thường đi đôi với chữ Không trở thành cụm từ “*Tánh Không*” để ám chỉ bản thể của sự vật.

Trong Bát Nhã tâm kinh, những cụm từ sau đây đồng nghĩa với nhau:

Không Tướng (kiểu tiếng Tàu, tinh từ đi trước danh từ) = Tướng Không (kiểu tiếng VN, tinh từ đi sau danh từ) = Tánh Không = bản thể của sự vật.

Thế nên “*Xá-lợi tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.*” có nghĩa là “*này Xá Lợi Phát, tướng không của chư pháp (bản thể của chư pháp) thì không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm*”.

Không Ngơ và Không của Phật Giáo.

Chữ Không hay Không Ngơ là để đối lại với chữ Có. Ví dụ, đặt trước mặt một cái bàn. Thì ta nói có cái bàn. Cũng ngay chỗ không gian ấy, nếu lấy đi cái bàn thì ta nói, không có cái bàn. Không đây là để đối với Có.

Không trong đạo Phật = tướng không = tánh không = chân không = bản thể của vũ trụ ở trạng thái tĩnh. Không gian yên lặng chứa đầy sơ hạt hay vi trần và vắng bóng của nghiệp lực. Nên *Không này khác với Không Ngơ là chẳng có gì hết.*

Thế nên câu ***“Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới.”*** có nghĩa là ***“vì thế ở trong không (tại bản tâm, ở trạng thái bản thể), không có sắc, không có thọ, tướng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn thức tới cả ý thức giới”***.

Nói tóm lại:

Từ trong Tánh Không thanh tịnh, gió nghiệp lực thổi qua biến thành nhân duyên tác động lên những sơ hạt đã nằm sẵn trong Không để tạo nên Sắc. Đây tức là Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc.

Sắc là do nhân duyên hợp lại nên cuối cùng khi nhân duyên hết thì Sắc cũng phải tan rã để trở lại trạng thái sơ hạt ban đầu. Đây tức là Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc.

Cho nên một khi Gió Nghiệp nổi lên thì vạn vật Có, một khi gió nghiệp lặn thì vạn vật Không. Vì thế vạn vật hay Sắc Tướng là Vô Thường. Tương tự, ba cõi (dục, sắc, vô sắc) đều do nhân duyên tạo ra nên cũng vô thường.

Sự liên hệ giữa Sắc và Không hay Có và Không

Lấy ví dụ 1 cây viết chì. Nếu nhìn chung quanh chu vi cây viết chì ta sẽ thấy đó là khoảng không gian hay Không. Tương tự nhìn lên bầu trời, mặt trăng, mặt trời to lớn thế kia cũng bị bao bọc bởi không gian hay cái Không. Thế cho nên không có một vật gì là không nằm trong Không. Phải có Không để mà phân biệt, xác định, biên định Sắc. Do đó có thể nói Sắc từ Không mà ra hay Sắc chính là Không khi ở bản thể.

Trên đời không có một vật gì đã sanh ra mà có thể tồn tại mãi mãi. Cuối cùng cũng sẽ bị tan rã thành cát bụi rồi biến mất hay trở về Không. Cho nên ***Không*** là bản thể của vũ trụ. Tại bản thể, vật chất tồn tại ở trạng thái

tĩnh dưới dạng nhỏ nhất tạm gọi là sơ hạt, hay vi trần. Nên có thể nói Sắc chẳng khác Không ở bản thể.

Sự hình thành của vật từ Không thành Sắc rồi trở lại Không là do tác động của nghiệp lực. Khi nghiệp lực còn thì Sắc kết, khi nghiệp lực hết thì Sắc tan.

Vì thế ở trạng thái bản thể hay tại bản tâm, Sắc chính là Không, Sắc chẳng khác Không.

Đây chính là ý nghĩa của:

Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc
Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc

Thế nào là sống với Tâm Không?

There is only one **Soul** but are many souls!

Thế giới có 7 tỉ người nên có 7 tỉ phàm tâm nhưng Bản Tâm, Chân Tâm, Đạo Tâm thì chỉ có MỘT! Cho nên một khi về tới bản tâm thì khái niệm về cái ngã, cái tôi không còn thể hiện trong hành giả nữa. Vì vậy mới có câu “*người đắc đạo ngày ngày chỉ làm tam đại sự: ăn uống, ngủ nghỉ và bài tiết*”. Câu này hàm nghĩa trước khi đạt tâm không, phàm tâm chi phối 100% đời sống tâm lý/sinh lý. Sau khi đạt tâm không, phàm tâm giờ chỉ còn làm đúng 3 việc là ăn uống, ngủ nghỉ và bài tiết để duy trì sự sống của cái thân. Ngoài ra mọi sinh hoạt tâm lý/sinh lý còn lại thì do bản tâm hay

chân ngã điều khiển. Đây là lối nói từ góc cạnh “phàm ngã”.

Một lối nói khác là khi về tới bản tâm thì hành giả khám phá ra con người thật của mình. Lúc bấy giờ người giác ngộ sống với bản tâm. Chỗ này đồng nghĩa với bên trên khi phàm tâm diệt chân tâm hiện. Trong không gian tâm thức 13 tầng, người giác ngộ là người sống được với 13 tầng tâm thức cùng một lúc, trong lúc loài người D4/D3 chỉ sống được với tâm thức D4 trở xuống bởi vì tâm thức D5 trở lên tới D13 bị cắt đứt.

Vì bị cắt đứt với những tầng tâm thức trên nên phàm tâm (ngã) có mặt để thay thế bản tâm duy trì sinh hoạt tâm lý/sinh lý. Lâu ngày lũy kiếp trở thành tập quán.

Vì sinh hoạt tâm lý/sinh lý của người đắc đạo do bản tâm điều khiển nên hành tung của những vị này khó có thể hiểu hay đo lường được. Tuy nhiên tất cả mọi hành động việc làm đều là vì mục đích cứu độ chúng sanh. Ví dụ trong thiền sử Trung Quốc có câu chuyện về một vị thiền sư vung dao giết chết con mèo trong lớp trước mặt đám học trò cốt chỉ để dạy học trò về kiến tánh. Đây là một sự hy sinh rất lớn của vị thầy vì muốn dạy học trò nên đã chịu phạm luật nhân quả.

Tu hành với chữ Không:

Tu hành giải thoát là làm sao chuyển hóa phàm tâm của mình trở lại bản tâm. Con người chia làm 3 phần thượng, trung, hạ tương ứng với đầu, ngực và bụng. Từ tế tới thô, cái tâm trong con người cũng có 3 tâm: **lý tâm, khí tâm và tượng tâm**. **Lý tâm** là bản tâm, chân tâm, đạo tâm, tức là lương tri lương năng của con người. **Khí tâm** vì có thanh có trọc nên gọi là phàm tâm. **Tượng tâm** là trái tim huyết nhục để duy trì sự sống của cơ thể.

Note: lương tri, lương năng là cái chân tánh thánh thiện, sáng suốt luôn luôn hiện hữu trong người. Ví dụ, kẻ sát nhân giết người cướp của vì tham. Tâm tham lam giết người đoạt của là phàm tâm. Nhưng thấu trong lòng kẻ sát nhân vẫn biết đoạt mạng người, cướp của kẻ khác là việc làm sai quấy. Cái biết này gọi là lương tri hay cái chân tánh của con người.

Do đó tu chữ Không cũng có 3 bậc từ thô tới tế song song với 3 tâm: **Lý, Khí** và **Tượng tâm**.

Bắt đầu là **Tượng Tâm**: hành giả phải học bỏ cái tham sân si về vật chất, sắc tướng thô thiển bên ngoài. Đây là chỗ sửa tâm sửa tánh: tam cương ngũ thường, tam qui ngũ giới, bát chánh đạo, mười điều răn v.v...

*Ráng học cho rồi một chữ Không
Tinh tiên danh lợi rõ là Không*

*Dụng nhằm hao tổn tinh thần khí
Đại nguyện tu hành khó thành công*

Kế tới là **Khí Tâm**: Khí có thanh có trọc nên tâm lúc thiện lúc ác gọi là phàm tâm. Vì thế hành giả tại đây cần có cái pháp để khử trọc lưu thanh, tu tâm luyện tánh đạt mâu ni châu:

*Vô Vi Pháp Lý pháp trời ban
Trau chuốt đêm ngày khử trọc thanh
Nhâm đốc khai thông xá lợi kết
Mâu ni chói sáng thân ngoại thân*

Cuối cùng là **Lý Tâm**: có Minh Tâm, Kiến Tánh thì mới trọn vẹn giải thoát. Ở chỗ này thì vạn pháp vốn vô pháp. Nghĩa là chẳng có một pháp nào có thể đưa hành giả vào đây được. Chỉ có tịnh thủ hư vô cửu niên diện bích cho tới khi căn cơ chín mùi thì tự mình thể nhập bản tâm. Một lời nói khác của bên Tiên Gia là lúc ấy được chiếu triệu về châu Thượng Đế!

*Chân Không diệu hữu thể tịnh thanh
Duyên động phát sanh vạn vật thành
Nhất niệm dấy lên tam cõi tạo
Niết Bàn tâm diệu gốc sẵn thanh*

Chúng tôi hy vọng bài viết mang lại ích lợi trong sự tu hành cho các bạn.

Chúc các bạn may mắn,

Kính bút,

Viễn Lưu, Mar/15/2017

--oOo--

Phụ Lục ***Lịch Sử Số Zero***

Trước đây chúng tôi vẫn tưởng là bộ chữ số từ 0 tới 9, nhất là số 0 hay zero do người Ả Rập khám phá ra. Nhưng thực tế không phải vậy. Những bài khảo cứu gần đây cho thấy số zero được khám phá độc lập bởi người Sumerian, Mayan và Ấn Độ.

Sau đây xin mời bạn đọc bài “Ai đặt ra con số Zero?” của Jessie Szalay, LiveScience Contributor, June/28/2013.



Khái niệm về số zero vừa là số định vị, vừa là một ký hiệu về không là một phát triển gần đây. Theo lời của Iraidka và Shutterstock.

Mặc dù con người từ xưa đã hiểu khái niệm về không hay không có gì hết, nhưng khái niệm về con số Không thì tương đối mới mẻ - nó chỉ mới được phát triển hoàn toàn vào thế kỷ thứ 5 sau Công Nguyên. Trước đó, các nhà toán học đã phải chặt vật để thực hiện những con toán đơn giản nhất. Ngày nay, số zero – vừa là ký hiệu (hay con số) vừa là khái niệm chỉ sự vắng mặt của đại lượng bất kỳ – cho phép chúng ta thực hiện những phép tính, giải những phương trình phức tạp, và làm ra máy vi tính.

Lịch Sử Xa Xưa: dấu mũ <> (Angled wedges)

Zero được khám phá độc lập bởi người Babylonians, Mayans và Ấn Độ (mặc dù vài nhà khảo cứu cho rằng hệ thống số Ấn Độ bị ảnh hưởng nhiều của hệ thống Babylonians). Hệ thống số của Babylonians là có từ người Sumerians, loài người đầu tiên trên thế giới làm ra hệ thống tính toán. Được làm ra từ 4,000 tới 5,000 năm trước, hệ thống tính của Sumerian là hệ thống định vị (positional system) - giá trị (value) của một ký hiệu phụ thuộc vào vị trí của nó đối với vị trí của những ký hiệu khác. Robert Kaplan, tác giả bài “The Nothing That Is: A Natural History of Zero”, cho rằng cặp dấu mũ <> đã được dùng như số giữ-vị-trí-zero để biểu diễn cho cột trống trong con số (ví dụ, $1<>32 = 1032 = 1\ 32$). Tuy nhiên, Charles Seife, tác giả của

“Zero: The Biography of a Dangerous Idea” không đồng ý việc cập dấu mũ dùng như để giữ vị trí.

Hệ thống số của người Sumerians truyền qua triều đại đế quốc Akkadian tới Babylonians khoảng 300 trước Công Nguyên. Tới đây, các học giả đồng ý, có một ký hiệu rõ ràng được dùng để giữ vị trí - một cách để phân biệt giữa 10 và 100, hoặc để đánh dấu rằng trong số 2,025, không có con số trong cột hàng trăm, 2×25 . Lúc đầu, người Babylonians để trống vị-trí đó trong hệ thống số cuneiform của họ, nhưng khi điều này trở thành rối rắm, họ mới thêm một ký hiệu – hai dấu mũ, $\langle \rangle$, - để biểu diễn cho vị trí trống trong con số. Tuy nhiên họ chưa bao giờ phát triển ý niệm về zero như là một con số.

Zero tại châu Mỹ.

Sáu trăm năm sau và cách Babylon 12,000 dặm, người Mayans đặt ra số zero như là số để giữ vị trí (placeholder) vào khoảng năm 350 sau Công Nguyên và dùng nó trong hệ thống lịch kỹ tử mĩ của họ. Mặc dù là những nhà toán học giỏi, nhưng người Mayan chưa bao giờ dùng zero trong các phương trình. Kaplan mô tả sự phát minh con số zero của người Mayan như sau “Một thí dụ điển hình rõ ràng nhất về sự tự tìm ra con số zero”.

Ấn Độ: Nơi Zero trở thành một con số.

Vài nhà khảo cứu cho rằng những khái niệm về số của người Babylonians đã len lỏi xuống tới Ấn Độ, tuy nhiên một số khác đã cho rằng Ấn Độ đã độc lập khám phá số zero.

Khái niệm về zero xuất hiện ở Ấn Độ bắt đầu khoảng 458 sau Công Nguyên. Những phương trình toán học được đánh vần hay đọc dưới dạng thơ hay bài ca hơn là những ký hiệu. Những chữ khác nhau tượng trưng cho zero hay không, chẳng hạn như “trống không, void”, “bầu trời, sky”, hoặc “không gian, space”. Năm 628, một nhà thiên văn kiêm toán học hồi giáo tên Brahmagupta đặt ra một ký hiệu cho zero – một dấu chấm nằm bên dưới những con số. Ông ta cũng phát triển những phép toán dùng số không, zero, viết ra những qui tắc đạt được số không trong phép toán cộng và trừ, và những kết quả về việc sử dụng zero trong các phương trình. Đây là lần đầu tiên trên thế giới zero, số không, được công nhận như là một con số riêng của chính nó, bao gồm cả khái niệm và ký hiệu.

Từ Trung Đông tới Wall Street (Thị Trường Chứng Khoán Mỹ)

Sau vài thế kỷ, khái niệm về số không, zero, được dùng ở Tàu và Trung Đông. Theo lời của Nils-Bertil Wallin của YaleGlobal, vào năm 773 sau Công Nguyên, số zero đi tới Baghdad và tại đây zero trở thành một phần của hệ thống số Ả Rập mà được đặt căn bản trên hệ thống số Ấn Độ. Một nhà toán học

người Ba Tư tên Mohammed ibn-Musa al-Khwarizmi, đề nghị một chữ o nhỏ, hay vòng tròn nhỏ, được dùng trong những phép tính nếu không có số nào hiện diện trong cột hàng mười (the tens place). Người Ả Rập gọi vòng tròn nhỏ này “Sifr” hay “trống không, empty”. Ông al-Khwarizmi đã nhờ vào số zero để đặt ra môn Đại Số (Algebra) vào thế kỷ thứ chín. Ngoài ra ông còn đặt ra những phương pháp nhanh để nhân và chia những con số, mà ngày nay gọi là thuật-toán, algorithms.

Số zero xuất hiện ở Âu Châu qua sự xâm chiếm Tây Ban Nha của người Moorish (Hồi Giáo), rồi được phát triển thêm bởi nhà toán học Ý Fibonacci. Ông dùng số không để giải những phương trình mà không cần dùng những bàn tính xưa (abacus, ví dụ bàn tính của Tàu), mà lúc đó bàn tính là dụng cụ phổ thông nhất để làm toán. Sự phát minh này rất được ưa chuộng trong giới thương gia bởi vì họ dùng phương trình có số zero của Fibonacci để cân bằng sổ sách kế toán (balance their books).

Wallin chỉ ra rằng chính phủ Ý lúc đó nghi ngờ hệ thống số Ả Rập và ra lệnh cấm dùng số zero. Các thương gia tiếp tục dùng nó bất hợp pháp và bí mật. Chữ Ả Rập cho zero là “sifr” đã trở thành chữ “cipher, mật mã”, mà chẳng những có nghĩa là một số đặc trưng (numeric character), mà còn có nghĩa một cái mã (code).

Vào khoảng 1600s, zero đã được sử dụng khá rộng rãi ở Âu Châu. Nó là cơ bản trong hệ tọa độ Descartes và trong sự phát triển các phép tính (calculus) của Sir Isaac Newton và Gottfried Wilhem Leibniz. Phép tính (calculus) mở đường cho khoa vật lý, kỹ thuật, vi tính, và hầu hết các lý thuyết về tài chính và kinh tế.

--oOo--